

UBND HUYỆN YÊN MỸ
TRƯỜNG THCS ĐỒNG THAN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
GIAI ĐOẠN 2020-2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Đồng Than, tháng 9 năm 2020

Đông Than, ngày 29 tháng 9 năm 2020

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

GIAI ĐOẠN 2020 – 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Trường THCS Đông Than được thành lập năm 1960 và được đổi tên theo Quyết định số 321/ 2005/QĐ-UB ngày 21 tháng 6 năm 2005 của UBND Huyện Yên Mỹ về việc đổi tên trường THCS Đông Than huyện Mỹ Văn thành THCS Đông Than huyện Yên Mỹ. Trong 60 năm hình thành và phát triển với những chặng đường đầy thử thách khó khăn nhưng cũng có rất nhiều thuận lợi, được sự quan tâm lãnh chỉ đạo các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, của Phòng GD&ĐT Yên Mỹ, các tổ chức đoàn thể; đặc biệt là sự đồng tình giúp đỡ từ quý PHHS đã giúp cho trường THCS Đông Than phát triển vững chắc về nguồn nhân lực, về cơ sở vật chất xây dựng cảnh quan nhà trường đáp ứng yêu cầu cho công tác giảng dạy; nhờ vậy trường luôn đạt được thành tích trường tiên tiến trong nhiều năm liền. Nhà trường đã và đang từng bước phát triển vững chắc và ngày càng trưởng thành hơn, phấn đấu sẽ trở thành một ngôi trường chất lượng cao của huyện nhà. Ghi nhận sự cố gắng này, UBND tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định số 2974/QĐ-CTUBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh công nhận trường THCS Đông Than đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Trường được UBND xã tổ chức đón bằng công nhận trường THCS Đông Than đạt chuẩn Quốc gia và kỷ niệm 60 năm ngày thành lập trường vào ngày 28/6/2020.

Những căn cứ cơ sở pháp lí để xây dựng chiến lược phát triển của trường trong giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2030:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

– Chỉ thị 40/2004/CT-TW ngày 15 tháng 06 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục;

– Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

– Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

– Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

– Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

– Căn cứ kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Yên Mỹ.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động quản lý của Hiệu trưởng, cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV) và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường THCS Đồng Than là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, Nghị quyết Đảng bộ xã Đồng Than nhiệm kỳ 2020-2025.

I. TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Điểm mạnh

- Trường THCS Đồng Than có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy của nhà trường, các tổ chức, đoàn thể đều hoạt động đúng quy định, có hiệu quả. Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, quản lý, kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục một cách thường xuyên, đem lại hiệu quả tốt. Việc quản lý hành chính, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý GV và HS đảm bảo đúng quy định.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, GV và NV đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, thực hiện đầy đủ các quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ GD&ĐT. NV hiện tại có 33 người; trong đó: BGH: 02; giáo viên: 28; nhân viên: 3 đ/c. Trình độ chuyên môn của giáo viên: 28 đ/c đạt chuẩn, có 20 GV đạt trên chuẩn.

- Công tác xã hội hóa giáo dục đã được quan tâm đúng mức, Ban đại diện CMHS nhà trường hoạt động hiệu quả, đúng Điều lệ, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của thầy và trò nhà trường.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục địa phương. CBGV và HS nhà trường luôn tích cực đổi mới phương pháp dạy và học, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng dạy và học.

– Chất lượng học sinh năm học 2019-2020:

+ Tổng số học sinh: 701 em.

+ Tổng số lớp: 17.

+ Xếp loại hai mặt giáo dục:

	Hạnh kiểm		Học lực	
	TS	%	TS	%
Giỏi (Tốt)	480	68,5	66	9,4
Khá	178	25,4	280	39,9
TB	43	6,1	325	46,4
Yếu			30	4,3

Học sinh khối 9 được xét công nhận tốt nghiệp THCS năm 2019-2020 là 151/151 đạt tỷ lệ 100% (01 thí sinh tự do).

– Thành tích đạt được: Nhiều năm liền Trường đạt danh hiệu trường tiên tiến cấp huyện. Năm 2018-2019 được UBND huyện tặng giấy khen, UBND tỉnh công nhận đạt tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2019-2020 được công nhận tập thể lao động tiên tiến, được UBND tỉnh tặng bằng khen.

- Tổng số phòng học: 18 phòng. Trong đó: KCCT: 18 phòng
- Số phòng học xây mới: đang tiến hành xây dựng 08 phòng học bộ môn.
- Số phòng học được tu sửa trong năm học 2019 – 2020: 13
- Các phòng chức năng: 05 phòng

2. Những điểm yếu cơ bản:

- CSVC nhà trường đang trong quá trình hoàn thiện nên còn chưa thật đầy đủ. Hệ thống các phòng học bộ môn, khối phòng phục vụ học tập, sân chơi, bãi tập đang trong quá trình hoàn thiện. Nhà trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đội ngũ GV còn thiếu, việc cập nhật bồi dưỡng kiến thức về ngoại ngữ còn có phần hạn chế. Số lượng GV dạy giỏi cấp Tỉnh còn ít.

- Thiếu 8 phòng chức năng. Hiện tại 10 phòng học đã xuống cấp cần xây mới.

- Chất lượng học sinh: Chất lượng đầu vào chưa đồng đều, một bộ phận học sinh có học lực yếu kém, ý thức học tập, rèn luyện chưa tốt, không có động cơ học tập, gia đình thiếu sự quan tâm.

3. Thời cơ

- Sự quan tâm, tạo điều kiện của PGD&ĐT Yên Mỹ, của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, của Hội cha mẹ học sinh là động lực lớn giúp thầy và trò nhà trường vượt qua những khó khăn trước mắt để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm 2020 trường được đón bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, điều này đã nâng vị thế của trường lên một tầm cao mới.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đa số nhiệt tình, tâm huyết, có trách nhiệm.

4. Thách thức

- Sự phát triển của nền công nghiệp 4.0 yêu cầu Giáo dục phải thực sự đi tắt, đón đầu phải đổi mới thực sự cả về nội dung chương trình và phương pháp dạy học. Điều này thể hiện rõ trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

5. Xác định các vấn đề ưu tiên

– Đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Căn cứ vào nhiệm vụ và khả năng công tác, từ 2020 đến 2023 tạo điều kiện cho 10-12 đ/c được đi học nâng chuẩn.

– Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.



– Ứng dụng có hiệu quả CNTT trong dạy – học và công tác quản lý. Tiết kiệm chi để đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học như máy tính, máy chiếu, các phần mềm quản lý và giảng dạy.

– Áp dụng Thông tư 18/2018/TT - BGDDT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 14/2018/TT - BGDDT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

– Chấm dứt tình trạng học sinh “ngồi nhầm lớp”, hạn chế thấp nhất tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học. Quan tâm đến hoàn cảnh học sinh khó khăn để giúp đỡ về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho các em học tập tốt.

II. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ CÁC GIÁ TRỊ

1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục ổn định, để mỗi học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường THPT, trường THCN và dạy nghề.

2. Tầm nhìn

Là một trong những trường có chất lượng cao của huyện mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- Tình đoàn kết, lòng nhân ái.
- Tinh thần trách nhiệm, sự hợp tác.
- Lòng tự trọng, tính sáng tạo.
- Tính trung thực và khát vọng vươn lên.

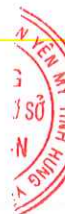
III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyên môn căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phân đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.



Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng.

* Trong vòng 10 năm tới, phấn đấu: “Xây dựng một nền giáo dục hiện đại, khoa học, làm nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững đất nước, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới một xã hội học tập, có khả năng hội nhập quốc tế; nền giáo dục này phải đào tạo được những con người Việt Nam có năng lực tự duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”.

* Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển của ngành và của toàn xã hội. Cụ thể trong giai đoạn 2020-2025:

- Tạo một môi trường học tập thân thiện, học sinh tích cực, trường học hạnh phúc.
- Đào tạo học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường THPT, trường THCN và dạy nghề.
- Duy trì và phát triển vững chắc công tác PCGD THCS, đạt chuẩn PCGD Trung học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025 Trường THCS Đồng Than phấn đấu được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Đến năm 2024, chất lượng giáo dục được khẳng định, trường được đánh giá ngoài đạt cấp độ 3. Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

2. Chỉ tiêu

2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Nâng cao nhận thức của CB-GV-NV về giáo dục, từ đó từng bước nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu đạt 100 % GV có trình độ chuẩn và 90% GV trên chuẩn.
- Học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Tất cả cán bộ giáo viên đều sử dụng thành thạo máy vi tính, internet; thường xuyên truy cập vào trang web của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), của trường và của các cơ sở giáo dục khác để học tập và ứng dụng vào trong các bài giảng của mình và nắm thông tin.

2.2. Học sinh hàng năm

- Qui mô:

- + Dao động từ 18-25 lớp.
- + Dao động từ 756 đến 1130 Học sinh.
- Chất lượng giáo dục:

a) Học lực:

- + Xếp loại giỏi đạt từ 8% trở lên.
- + Xếp loại khá đạt từ 40% trở lên.
- + Xếp loại trung bình trở lên: 95%
- + Xếp loại yếu, kém không quá 5%.

b) Hạnh kiểm:

- + Xếp loại khá, tốt đạt từ 94,5% trở lên.
- + Xếp loại trung bình không quá 5%.
- + Xếp loại yếu không quá 0,5%.
- + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội.

- Được đánh giá xếp loại xuất sắc về tiêu chuẩn “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời gian tổ chức, nội dung các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài giờ lên lớp.

- Đơn vị xã Đông Thanh được công nhận hoàn thành công tác phổ cập THCS đúng độ tuổi mức độ 3, tiến đến hoàn thành phổ cập bậc trung học vào năm 2030.

2.3. Cơ sở vật chất

- Khuôn viên nhà trường là một khu riêng biệt, có tường rào, cổng trường, biển trường, tất cả các khu trong nhà trường được bố trí khá hợp lý, luôn sạch, đẹp. Diện tích còn thiếu, chưa đủ để sử dụng đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động quản lý, dạy học và các hoạt động giáo dục.

- Đến năm 2025 có đủ phòng học và phòng học bộ môn. Hoàn thành các tiêu chí về diện tích, cơ sở hạ tầng đảm bảo yêu cầu trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Có hệ thống CNTT kết nối internet cho tất cả các máy vi tính cho giáo viên và học sinh sử dụng để đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

- Xây dựng Website cho trường, luôn cập nhật thông tin của nhà trường về chủ trương, thông báo, cập nhật điểm học sinh thường xuyên để PHHS theo dõi nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý nhà trường.

- Xây dựng môi trường sư phạm, cảnh quan nhà trường “Xanh – Sạch – Đẹp” ở mức độ cao.

3. Các giải pháp thực hiện chiến lược

Giải pháp 1: Đổi mới quản lý giáo dục

1- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo trong hệ thống chính trị, ngành giáo dục và đào tạo và toàn xã hội, tạo sự đồng thuận cao coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể



trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

Đổi mới công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục.

Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong trường học. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục-đào tạo phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

– Hoàn thiện môi trường pháp lý và chính sách giáo dục; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục cho phù hợp. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

– Thực hiện công khai hoá về chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục và tài chính, thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục thông qua báo cáo công khai theo tinh thần thông tư 36/TT-BGD&ĐT.

– Thực hiện phân cấp quản lý, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân sự; thúc đẩy hoạt động Hội đồng trường để thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của đơn vị.

– Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo ra một cơ chế quản lý gọn nhẹ, hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm “Tin học hóa” quản lý giáo dục.

– Xây dựng và triển khai thực hiện công tác đổi mới quản lý tài chính cho giáo dục nhằm đảm bảo mọi người đều được học hành, huy động ngày càng nhiều hơn và sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực của nhà nước và xã hội để tăng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục.

2- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Giải pháp 2: Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh,

quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các giáo viên trung học cơ sở phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm.

Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

– Có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện, dạy học các môn học tích hợp, dạy học phân hóa, dạy học 2 buổi/ngày; đảm bảo tỷ lệ giáo viên trên lớp, học sinh trên giáo viên, tiếp tục tăng cường đội ngũ nhà giáo cho các cơ sở giáo dục.

– Tạo điều kiện cho GV tham gia các chương trình đào tạo đa dạng nhằm nâng cao chuẩn trình độ đào tạo. Đến năm 2022 có 85% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Đến năm 2025 có 95% số giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

– Tiếp tục xây dựng, tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên phổ thông.

– Tăng cường các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên theo các chương trình tiên tiến, các chương trình hợp tác với trường bạn để đáp ứng được nhiệm vụ nhà giáo trong tình hình mới.

– Có chính sách khuyến khích thực sự đối với đội ngũ nhà giáo thông qua chế độ đãi ngộ xứng đáng.

Giải pháp 3: Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, kiểm định và đánh giá cơ sở giáo dục

- Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo; công khai kết quả kiểm định. Chú trọng kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện đổi mới đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận năng lực, phẩm chất học sinh. Chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ trong những bối cảnh có ý nghĩa. Đánh giá kết quả học tập của học sinh đối với các môn học và hoạt động giáo dục theo quá trình hay ở mỗi giai đoạn học tập chính là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của học sinh.

– Thực hiện các cuộc vận động của ngành, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Đến năm 2021 có 100% giáo viên sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học. Tăng cường kiểm tra về đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá. Đảm bảo đến năm 2021 có 100% giáo viên được đánh giá là áp dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học mới. Xây dựng môi trường bình đẳng, thúc đẩy sự nỗ lực

phần đầu và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, bắt đầu từ năm 2020 thực hiện việc “Học sinh đánh giá giáo viên, giáo viên đánh giá cán bộ quản lý nhà trường”.

– Xây dựng hệ thống tổ chức kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục. Triển khai kiểm định, công bố công khai kết quả kiểm định. Đến năm 2024 đạt chuẩn mức độ II.

- Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng. Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra. Xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước

Giải pháp 4: Xã hội hóa giáo dục

Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.

– Thể chế hóa vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc giám sát và đánh giá giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn.

– Xây dựng quy chế hoạt động và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, đoàn thanh niên, hội phụ nữ và các tổ chức xã hội khác nhằm phát huy tối đa vai trò của các tổ chức trong sự nghiệp Giáo dục.

Giải pháp 5: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho giáo dục

Tham mưu với Đảng ủy, ủy ban nhân dân xã để xin UBND tỉnh mở rộng khuôn viên, đảm bảo đến năm 2025 có 15 000 m², tăng cường bảo quản tốt cơ sở vật chất hiện có, mua sắm thêm một số đồ dùng dạy học còn thiếu. Tranh thủ sự đầu tư của cấp trên về cơ sở vật chất đủ điều kiện dạy 1 ca; đủ phòng học và phòng học bộ môn và năm 2023. Chủ động làm công tác xã hội hóa giáo dục để đầu tư trang thiết bị dạy học cho nhà trường. Tham mưu với cấp trên trang bị các phần mềm, thiết bị dạy học thông minh.

Thường xuyên tập huấn đổi mới phương pháp dạy học. Giáo viên sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực áp dụng vào thực tiễn.

Giải pháp 6: Xây dựng cơ sở giáo dục tiên tiến

– Triển khai phong trào thi đua: “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” để tạo môi trường giáo dục lành mạnh, mang niềm vui học tập đến cho mọi trẻ em và lôi cuốn xã hội tham gia vào quá trình giáo dục.

- Phát hiện nhân tài, năng khiếu bẩm sinh để có hướng bồi dưỡng ngay từ lớp 6.
- Xây dựng một đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao để ôn luyện bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi mũi nhọn từ lớp 6.
- Tăng cường bồi dưỡng học sinh yếu, kém; có biện pháp tối ưu để huy động học sinh tham gia bồi dưỡng.
- Ứng dụng các phần mềm dạy học, công nghệ thông tin và các kỹ thuật dạy học tích cực, phương tiện dạy học thông minh vào quá trình dạy học.

Giải pháp 7: Xây dựng thương hiệu

- Tập trung mọi nhân lực, vật lực, trí lực để nâng cao chất lượng dạy và học nhằm xây dựng thương hiệu và sự tin nhiệm của xã hội đối với nhà trường.
- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng CB-GV-NV, học sinh và phụ huynh học sinh (PHHS).
- Trường xây dựng trang Web, Logo, năm thành lập trường là năm 1960 nên lấy ngày 5/9 hàng năm là ngày truyền thống nhà trường.
 - Logo trường:



- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng phòng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của từng thành viên trong hội đồng sư phạm đối với quá trình xây dựng thương hiệu nhà trường.

IV. TỔ CHỨC THEO DÕI, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV nhà trường, cơ quan chủ quản, PHHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chức

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược; điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 – 2022: Triển khai nhiệm vụ năm đầu tiên của Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và khởi động Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018, triển khai sách giáo khoa lớp 6 và xây dựng mục tiêu



phần đầu trường THCS đạt chuẩn mức độ 2. Triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học. Áp dụng thông tư 26/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/8/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/TT/BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

– Giai đoạn 2: Từ năm 2022 – 2024: là thời gian xây dựng trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III, đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Đổi mới mạnh mẽ công tác giảng dạy theo hướng hiện đại hoá. Ổn định và nâng chất lượng giáo dục một cách vững chắc. Nâng cao hiệu quả giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

– Giai đoạn 3: Từ năm 2024 – 2025: là thời gian hoàn thành mục tiêu nhiệm kỳ đại hội. Khẳng định thương hiệu trường chất lượng cao.

4. Đối với Hiệu trưởng

– Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng CB-GV-NV nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

– Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hàng năm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Tham mưu hiệu quả công tác mở rộng quy mô trường lớp và bổ sung đội ngũ.

5. Đối với Phó Hiệu trưởng

– Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

– Tập trung tốt nhất cho việc xây dựng đội ngũ cốt cán chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục sao cho năm sau cao hơn năm trước.

- Giúp hiệu trưởng phân công chuyên môn và triển khai nhiệm vụ chuyên môn, sử dụng cơ sở vật chất nhà trường hiệu

6. Đối với Tổ trưởng chuyên môn và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

– Thực hiện nhiệm vụ được phân công giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể trong tổ.

– Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Thường xuyên cập nhật và triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng mũi nhọn gắn với đánh giá các phong trào thi đua.

7. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, công nhân viên

- Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học.

– Không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu trở thành giáo viên, nhân viên giỏi. Tích cực tham gia, đóng góp vào sự phát triển của trường dựa vào khả năng của mỗi cá nhân.

- Mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học, chủ động sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực để góp phần hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh.

8. Đối với học sinh

– Không ngừng học tập, tích cực tham gia hoạt động để sau khi tốt nghiệp THCS có kiến thức, kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu xã hội, tiếp tục học trung học hoặc học nghề. Ra sức rèn luyện đạo đức để trở thành những người công dân tốt.

- Học sinh chủ động học tập, tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua các câu lạc bộ hoặc trải nghiệm thực tế, khám phá các thí nghiệm, ứng dụng KHKT trong thực tiễn đời sống.

– Tham gia góp ý nhằm cải tiến nội dung, chương trình đào tạo của nhà trường; tự hào về truyền thống của nhà trường và tham gia quảng bá thương hiệu của nhà trường.

9. Lãnh đạo địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức liên quan

- Chỉ đạo nhà trường thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và chương trình mục tiêu của địa phương.

– Phối hợp với nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch từng năm học.

– Tuyên truyền đến nhân dân và học sinh về chiến lược phát triển của nhà trường./.

PHÊ DUYỆT CỦA PGD&ĐT YÊN MỸ



**TRƯỞNG PHÒNG
ĐỖ VĂN HẢI**

HIỆU TRƯỞNG



**HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY**

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC GIAI ĐOẠN 2015-2020

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
Khối lớp 6	3	3	4	4	5	4
Khối lớp 7	3	3	3	4	4	5
Khối lớp 8	4	3	3	3	4	4
Khối lớp 9	4	4	2	3	3	4
Cộng	14	13	12	14	16	17

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	17	17	17	17	18	18
1	Phòng học	14	14	14	14	12	12
a	Phòng kiên cố	14	14	14	14	12	12
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	2	2	2	2	5	5
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	5	5
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	1	1	1	1	1	1
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	0
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	1
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	4	4	4	4	4	4
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	2

2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	2
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	2	2	2	2	2	2
	Cộng	24	24	24	24	25	25

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tháng 5/2020:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1				1	
Phó hiệu trưởng	1	1				1	
Giáo viên	28	22			11	17	
Nhân viên	3	3			2	1	
Cộng	33	27	0	0	13	20	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
1	Tổng số giáo viên	31	29	27	27	27	28
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.21	2.07	2.08	2.25	1.69	1.65
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.06	0.06	0.055	0.0477	0.042	0.0399
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	2	2	2	6	4	3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	1	0
...	Các số liệu khác (nếu có)						

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
1	Tổng số học sinh	495	470	486	565	642	701
	- Nữ	257	243	243	268	296	306
	- Dân tộc thiểu số	0	1	1	1	2	1
	- Khối lớp 6	132	123	160	169	204	180
	- Khối lớp 7	90	127	117	158	167	205
	- Khối lớp 8	140	87	123	119	155	167
	- Khối lớp 9	133	133	86	119	116	150
2	Tổng số tuyển mới	130	119	156	165	201	175
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0
4	Bán trú	0	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/lớp học	35.3	36.1	40.5	40.3	40.1	41.2
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100	100	100	100	100	100
	- Nữ	257	243	243	268	296	306
	- Dân tộc thiểu số	0	1	1	1	2	1
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	20	18	33	23	22	33
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	39	60	41	43	55	
	- Nữ	27	33	25	28	24	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	3	4	1	3	3	8
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	0

PHỤ LỤC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2025

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
Khối lớp 6	5	5	5	7	6	6
Khối lớp 7	4	5	5	5	7	6
Khối lớp 8	5	4	5	5	5	7
Khối lớp 9	4	5	4	5	5	5
Cộng	18	19	19	22	23	24

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	19	20	20	20	20	34
1	Phòng học	18	10	10	10	10	24
a	Phòng kiên cố	17	10	10	10	10	24
b	Phòng bán kiên cố	01	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	1	8	8	8	8	8
a	Phòng kiên cố	17	8	8	8	8	8
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	1	2	2	2	2	2
a	Phòng kiên cố	0	2	2	2	2	2
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	01	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	3	10	10	10	10	10

1	Phòng kiên cố	1	8	8	8	8	8
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	2
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	2	1	1	1	1	1
Cộng		23	31	31	31	31	46

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu cần có đến thời điểm tháng 9/2020:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn chuẩn	Trên chuẩn (ĐH)	
Hiệu trưởng	1					1	
Phó hiệu trưởng	1					1	
Giáo viên	28				11	17	
Nhân viên	3				2	1	
Cộng	33				13	20	

b) Số liệu của 5 năm tiếp theo:

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
1	Tổng số giáo viên	28	36	36	42	44	46
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,037	0,043	0,042	0,042	0,042	0,042
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	756	830	860	1.001	1.058	1.103
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	1	1	1	1	1	1
...	Các số liệu khác (nếu có)						

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
1	Tổng số học sinh	756	830	860	1.001	1.058	1.103
	- Nữ	330	364	352	428	447	474
	- Dân tộc thiểu số	2	2	1	1	1	
	- Khối lớp 6	1					
	- Khối lớp 7		1				
	- Khối lớp 8	1		1			
	- Khối lớp 9		1		1		
2	Tổng số tuyển mới	207	239	234	321	264	284
3	Học 2 buổi/ngày						
4	Bán trú						
5	Nội trú						
6	Bình quân số học sinh/lớp học	42	43,7	45,3	45,5	46	46
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	756 =100%	830 =100%	860 =100%	1.001 =100%	1.058 =100%	1.103 =100%
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số						
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (các loại hình)	30/1	30/1	31/1	31/2	33/2	35/3
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (các loại hình)						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách						
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số						
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt						
12	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	9,5	9,8	9,9	10,0	10,2	10,5
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	40	40	40	40	40	40
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém	4,3	4,1	3,9	3,8	3,6	3,3
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	69	70	71	72	72	72
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	26	26	26	26	26	26
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	5	4	3	2	2	2
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	88	88	89	89	90	92
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	92	93	94	95	95	95
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	100	100
Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	0